

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT
LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ SỐ 106/2025/QH15**

*(Ban hành kèm theo Công văn 1669/CQLTHADS-BPC&NVTHADS ngày 22/5/2026
của Cục Quản lý Thi hành án dân sự)*

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH 152/2026/NĐ-CP

Nghị định gồm 05 chương, 116 điều, cụ thể như sau: Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6); Chương II. Thủ tục THADS (từ Điều 7 đến Điều 77); Chương III. Quản lý, sử dụng kinh phí trong THADS và bảo đảm tài chính để thi hành án (từ Điều 78 đến Điều 96); Chương IV. Quản lý nhà nước về THADS và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong THADS (từ Điều 97 đến Điều 112); Chương V. Điều khoản thi hành (từ Điều 113 đến Điều 116).

1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục thi hành án

Thực hiện chủ trương về đổi mới tư duy lập pháp, Luật THADS năm 2025 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục THADS, các vấn đề thực tiễn sẽ biến động thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ. Đồng thời, tiếp tục thực hiện yêu cầu về “*rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí*” theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương, yêu cầu về chuyển đổi số mạnh mẽ hoạt động THADS theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị định sửa đổi, hoàn thiện các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thi hành án, cụ thể như sau:

1.1. Về thủ tục chung

Căn cứ các nội dung được giao quy định chi tiết và những nội dung được xác định cần hướng dẫn thi hành của Luật THADS, Nghị định đã sửa đổi, hoàn thiện những nội dung về thủ tục chung. Trong đó, một số nội dung sửa đổi, hoàn thiện quan trọng như sau:

Thứ nhất, về giao nhận bản án, quyết định; yêu cầu và ra quyết định thi hành án (từ Điều 7 - Điều 11):

Nghị định quy định về các hình thức giao nhận bản án, quyết định; hình thức yêu cầu thi hành án linh hoạt, thuận lợi để người dân lựa chọn, trong đó có hình thức thực hiện trên môi trường số, thông qua các phương tiện điện tử.

Về việc ra quyết định thi hành án, hiện nay, Điều 6 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định: “*Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một*

quyết định thi hành án chung đối với các khoản thuộc diện chủ động thi hành trong một bản án, quyết định, trừ một số trường hợp” và khoản 1 Điều 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định: “Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án cho mỗi yêu cầu thi hành án, trừ một số trường hợp”.

Nhằm bảo đảm thuận lợi và thống nhất trong công tác thông báo thi hành án (nhất là thông báo trên môi trường số, qua VNeID); bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự (bảo mật thông tin cá nhân của đương sự, thuận lợi và hiệu quả khi làm việc với cơ quan THADS...); thuận lợi, thống nhất trong công tác thống kê kết quả thi hành án (việc, tiền), triển khai các nền tảng số, tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành và xử lý hồ sơ thi hành án, Nghị định quy định theo hướng: *Thủ trưởng cơ quan THADS ra một quyết định thi hành án (kể cả trong trường hợp thi hành án chủ động và thi hành án theo yêu cầu) đối với mỗi người phải thi hành án, trừ một số trường hợp như: thi hành quyền, nghĩa vụ liên đới hoặc trường hợp bản án, quyết định tuyên nhiều người được nhận chung một tài sản, một khoản tiền cụ thể; chia tài sản chung, chia thừa kế, chia tài sản trong ly hôn, tuyên các bên vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ đối với tài sản nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án thì ra một quyết định thi hành án theo nội dung bản án, quyết định.*

Đồng thời, quy định đối với những trường hợp chỉ cần có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án nhưng ra quyết định thi hành án theo nội dung bản án, quyết định nêu trên thì cơ quan THADS sẽ thực hiện thanh toán, thu phí thi hành án đối với những người được nhận tiền, tài sản. Quy định này trên cơ sở khoản 10 Điều 3 Luật THADS năm 2025 (người được nhận tiền, tài sản phải nộp phí), khoản 1 Điều 53 Luật THADS (đương sự yêu cầu thi hành án phải nộp phí) và hướng dẫn Điều 54 Luật THADS năm 2025.

Thứ hai, về thông báo thi hành án (Điều 15 - Điều 19):

Khoản 3 Điều 35 Luật THADS năm 2025 quy định, *“việc thông báo thi hành án được thực hiện theo một trong các hình thức sau: a) Thông báo trên môi trường số hoặc qua văn phòng THADS hoặc doanh nghiệp bưu chính hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc cơ quan THADS giao trực tiếp cho người được thông báo; b) Niêm yết công khai; c) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng”.*

Để hướng dẫn thi hành nội dung trên, Nghị định quy định về trình tự, thủ tục để thực hiện thông báo đối với từng hình thức. Theo đó, bên cạnh các hình thức thông báo hiện hành (thông báo trực tiếp, niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) thì Nghị định quy định theo hướng ưu tiên thông báo trên môi trường số, trường hợp không thể thực hiện được việc thông báo trên môi trường số thì sẽ thông báo theo các hình thức khác nhằm tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; thực

hiện yêu cầu về “*rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí*” theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Riêng đối với quyết định thi hành án thì thông báo trực tiếp nhằm bảo đảm tốt quyền của các đương sự.

Thứ ba, về việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành (Điều 22):

Thực hiện nhiệm vụ được Luật THADS giao, Nghị định hướng dẫn về xử lý việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Theo đó, hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành và đã xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật THADS mà không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì cơ quan THADS chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng đối với việc thi hành án chủ động và thông báo về việc gửi lại yêu cầu thi hành án đối với việc thi hành án theo yêu cầu. Thông báo về việc gửi lại yêu cầu thi hành án phải gửi cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền. Sau khi cơ quan THADS đã gửi lại yêu cầu thi hành án mà đương sự yêu cầu thi hành án trở lại thì phải cung cấp tài liệu chứng minh người phải thi hành án có điều kiện thi hành. Trường hợp có căn cứ xác định người phải thi hành án có điều kiện thi hành thì cơ quan THADS ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định.

Thứ tư, về thanh toán tiền thi hành án (Điều 29, Điều 30):

Tiếp tục thể chế hóa và triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quy định số 183-QĐ/TW ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Chính trị về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; nhằm bảo đảm cơ quan THADS hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Kết luận số 162-KL/TW ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị định quy định cơ quan THADS mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để thực hiện nghiệp vụ thu và chi tiền thi hành án; việc thanh toán tiền thi hành án được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản hoặc thông qua phương tiện thanh toán điện tử khác được pháp luật công nhận; trường hợp người được nhận tiền là cá nhân không cung cấp số tài khoản nhận tiền thì thanh toán trực tiếp tại cơ quan THADS. Trường hợp người được thi hành án là cơ quan, tổ chức thì việc chi trả tiền thi hành án chỉ thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của cơ quan, tổ chức đó, trừ trường hợp bản án, quyết định có nội dung khác.

Thứ năm, về xử lý hồ sơ thi hành án trong các trường hợp thi hành nghĩa vụ về hành vi (Điều 32):

Theo quy định tại các Điều 91 và 92 Luật THADS năm 2025, trường hợp thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định, thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định mà phải do chính đương sự thực hiện nhưng họ không thi hành thì Chấp hành viên phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan

vận động, thuyết phục, ra quyết định cưỡng chế, ấn định thời hạn để người phải thi hành án thực hiện. Hết thời hạn ấn định mà họ không thực hiện thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án. Ngoài các thủ tục thi hành án kể trên thì cơ quan THADS không thực hiện các thủ tục nào khác để buộc người phải thi hành án thi hành nghĩa vụ và việc thực hiện hay không thực hiện bản án cũng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên đương sự. Thực tiễn công tác thi hành án những năm qua cho thấy, các vụ việc thi hành án trong trường hợp này hầu hết bị tồn đọng, không có hướng xử lý, phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo mặc dù cơ quan THADS đã làm hết trách nhiệm theo quy định.

Do đó, Điều 32 Nghị định quy định: *Việc thi hành án kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền đã truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án theo đề nghị của Chấp hành viên quy định tại các Điều 91 và Điều 92 của Luật THADS.*

1.2. Việc thi hành án trong một số trường hợp cụ thể

Nghị định quy định thủ tục thi hành án trong một số trường hợp cụ thể như sau:

Thứ nhất, thủ tục thi hành án đối với người đang chấp hành hình phạt tù:

Trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật THADS năm 2008, nhằm bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự theo Luật Thi hành án hình sự năm 2025 và chọn lọc, có sửa đổi phù hợp những nội dung đang được thực hiện hiệu quả tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BTP-BCA-BTC ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục thu, nộp, quản lý tiền, giấy tờ của người phải THADS và trả tiền, giấy tờ cho người được THADS là phạm nhân, Nghị định quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc thông báo thi hành án, việc thu tiền, tài sản, giấy tờ; việc trả lại tiền, tài sản, giấy tờ đối với đương sự là người đang chấp hành hình phạt tù.

Thứ hai, về giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ và trả lại tiền, tài sản cho đương sự (Điều 37 - Điều 41):

Luật THADS năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng: Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, vật chứng tiếp tục được bảo quản, lưu giữ tại nơi đang bảo quản; cơ quan THADS thực hiện các thủ tục kiểm kê, tiếp nhận, niêm phong vật chứng trong giai đoạn thi hành án và xử lý theo quy định của pháp luật về THADS.

Đồng thời, Luật THADS năm 2025 cũng giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có trách nhiệm bảo quản vật chứng, tài sản. Trên cơ sở đó, Nghị định dành 05 Điều quy định về giao nhận vật chứng; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan trong bảo quản vật chứng; xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước; tiêu hủy vật chứng, tài sản và trả lại tiền, tài sản cho đương sự. Trong đó:

- *Về giao nhận vật chứng*: quy định cơ quan THADS gửi quyết định thi hành án đối với khoản xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ, kèm theo bản án, quyết định cho cơ quan, tổ chức đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ để đối chiếu. Trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định không đúng với biên bản thu giữ ban đầu thì cơ quan đang bảo quản vật chứng thông báo cho cơ quan THADS để yêu cầu Tòa án giải thích, đính chính hoặc kiến nghị xem xét lại bản án theo quy định tại các điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 22 của Luật THADS. Trước khi xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ thì cơ quan THADS thông báo cho cơ quan, tổ chức đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ và ấn định thời điểm thực hiện việc bàn giao vật chứng, tài sản tạm giữ cho cơ quan THADS; trường hợp vật chứng là tiền thì chuyển vào tài khoản của cơ quan THADS mở tại Kho bạc nhà nước. Cơ quan THADS có trách nhiệm kiểm kê, tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ tại nơi bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ.

- *Về thẩm quyền tiếp nhận, xử lý vật chứng, tài sản bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước*: Nghị định hướng dẫn Điều 57 Luật THADS năm 2025 về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ mà bản án, quyết định tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước. Theo đó, Nghị định quy định: đối với các bản án, quyết định do cơ quan THADS tỉnh, thành phố tổ chức thi hành thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vật chứng, tài sản tiếp nhận và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; đối với bản án, quyết định do cơ quan thi hành án cấp quân khu tổ chức thi hành thì Sở Tài chính nơi có vật chứng, tài sản tạm giữ tiếp nhận và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ. Để đồng bộ, thống nhất với quy định trên, Điều 113 Nghị định cũng sửa nội dung tương ứng tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1.3. Áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án

Nghị định quy định thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án, trong đó một số nội dung sửa đổi, hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, về biện pháp bảo đảm phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ:

Thực hiện nhiệm vụ được Luật THADS giao quy định chi tiết (Điều 67), Nghị định sửa đổi, hoàn thiện nguyên tắc phong tỏa tài khoản. Theo đó, trường hợp tại thời điểm phong tỏa mà số tiền, giá trị tài sản trong tài khoản bằng hoặc lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành án và chi phí thi hành án thì phong tỏa số tiền,

phần tài sản tương ứng với nghĩa vụ thi hành án và chi phí thi hành án ngay sau khi nhận được quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ. Trường hợp tại thời điểm phong tỏa mà số tiền, giá trị tài sản trong tài khoản nhỏ hơn nghĩa vụ phải thi hành án và chi phí thi hành án hoặc không xác định được giá trị tài sản trong tài khoản thì phong tỏa toàn bộ số tiền, tài sản trong tài khoản ngay sau khi nhận được quyết định phong tỏa tài khoản; trường hợp phát sinh tiền, tài sản trong tài khoản thì phong tỏa tiếp số tiền, tài sản theo quy định tại khoản này.

Thứ hai, về việc phối hợp thực hiện cưỡng chế thi hành án trong trường hợp có huy động lực lượng:

Nhằm bảo đảm cơ quan THADS hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Kết luận số 162-KL/TW ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những nội dung đang được thực hiện hiệu quả tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an quy định cụ thể việc phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong THADS, Nghị định quy định việc phối hợp thực hiện cưỡng chế thi hành án trong trường hợp có huy động lực lượng. Theo đó, cơ quan THADS đề nghị cơ quan công an cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế phối hợp bảo vệ cưỡng chế. Trường hợp vụ việc có tính chất phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương hoặc liên quan đến nhiều địa bàn cấp xã thì Thủ trưởng cơ quan công an cấp xã báo cáo cơ quan công an cấp tỉnh để chỉ đạo.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng sửa đổi, hoàn thiện các quy định về các biện pháp tạm giữ tài sản, giấy tờ; tạm hoãn xuất cảnh; khấu trừ tiền trong tài khoản; trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; thu tiền của người phải thi hành án; cưỡng chế khai thác tài sản, mở khóa, mở gói; kê biên tài sản; thẩm định giá, xác định giá, bán, giao tài sản thi hành án; cưỡng chế chuyển giao tài sản, giấy tờ; đăng ký chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người mua, người nhận tài sản; trả lại tài sản, giấy tờ sau khi chấm dứt áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế.

1.4. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS

Nhằm hướng dẫn thi hành các Điều 105, 106 và 110 Luật THADS năm 2025, Nghị định dành 04 điều (từ Điều 74 đến Điều 77) quy định một số nội dung về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí và bảo đảm tài chính để thi hành án

2.1. Về kinh phí bảo đảm hoạt động, chi phí thi hành án

Luật THADS năm 2025 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 9 về bảo đảm hoạt động THADS. Sau khi rà soát, Bộ Tư pháp xác định phạm vi quy định chi tiết tại Nghị định này gồm: nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động THADS; chi phí

thi hành án do ngân sách nhà nước chịu; chi phí thi hành án do đương sự, chi phí thi hành án do người thứ ba chịu và việc tạm ứng, miễn, giảm chi phí thi hành án. Những nội dung khác về bảo đảm hoạt động THADS theo Điều 9 Luật THADS năm 2025 như: trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, thẻ để sử dụng trong khi thi hành công vụ, chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp phù hợp với nghề nghiệp và chế độ ưu đãi khác đối với Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án, công chức và người làm công tác thi hành án khác trong hệ thống THADS; điều kiện và cơ chế bảo vệ cho cơ quan quản lý THADS, cơ quan THADS... (cơ bản là những nội dung thuộc Chương III về cơ quan quản lý THADS, cơ quan THADS, Chấp hành viên, người làm công tác THADS tại Nghị định số 62/2015/NĐ-CP) sẽ thuộc phạm vi quy định của Nghị định về tổ chức cán bộ và điều kiện bảo đảm hoạt động THADS.

Nội dung quy định tại Nghị định bảo đảm phù hợp, thống nhất với Luật Ngân sách nhà nước, Luật THADS năm 2025 và pháp luật khác có liên quan.

2.2. Về bảo đảm tài chính để thi hành án

Điều 51 Luật THADS năm 2025 giao Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, điều kiện, đối tượng, thủ tục bảo đảm tài chính để thi hành án. Trên cơ sở kế thừa những quy định đang được thực hiện hiệu quả tại các Điều 39, 40, 41 và 42 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BTP-BTC ngày 10/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án, Nghị định quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, phạm vi, thẩm quyền, thủ tục, nguồn kinh phí bảo đảm tài chính để thi hành án, việc hoàn trả của người có lỗi...

3. Quy định về quản lý nhà nước về THADS và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong THADS

3.1. Về quản lý nhà nước về THADS

Luật THADS năm 2025 chỉ dành 01 điều (Điều 10) quy định về quản lý nhà nước về THADS. Nghị định có nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để bảo đảm cơ sở cho việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về THADS của từng cơ quan. Theo đó, Nghị định lấy lại các quy định còn phù hợp, đang thực hiện hiệu quả của Luật THADS năm 2008 về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan; UBND cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời có rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về THADS.

3.2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong THADS

Nghị định cũng lấy lại các quy định đang thực hiện hiệu quả, có sửa đổi, hoàn thiện về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động THADS tại Luật THADS năm 2008, như: Kho bạc Nhà nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; Bảo hiểm xã hội trong THADS; cơ quan đăng ký tài

sản... Đồng thời, Nghị định cũng bổ sung quy định về trách nhiệm của Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong công tác thi hành án đối với phạm nhân.

4. Những nội dung bổ sung

Nghị định bổ sung 21 điều để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS năm 2025. Trong đó, nhằm tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động THADS, Nghị định hướng dẫn bổ sung 03 điều về Cơ sở dữ liệu, môi trường số, nền tảng số về THADS (Điều 4, Điều 5, Điều 6).

Bên cạnh đó, để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS năm 2025, Nghị định bổ sung một số nội dung quy định về thủ tục THADS, trách nhiệm của các cơ quan liên quan như: đại diện trong THADS; thông báo trên môi trường số; gửi, nhận quyết định, văn bản về thi hành án; bù trừ nghĩa vụ thi hành án; giao, nhận vật chứng; thủ tục cưỡng chế, kê biên đối với một số tài sản (như: tài sản hình thành trong tương lai, tài sản là tài nguyên thiên nhiên, chứng khoán...)

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH 151/2026/NĐ-CP

Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng THADS, Thừa hành viên (sau đây gọi là Nghị định) gồm 06 chương, 59 điều, cụ thể như sau: Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3); Chương II. Thừa hành viên (từ Điều 4 đến Điều 14); Chương III. Văn phòng THADS (từ Điều 15 đến Điều 21); Chương IV. Thẩm quyền, phạm vi, thủ tục thực hiện công việc của Thừa hành viên (từ Điều 22 đến Điều 54); Chương V. Quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên (Điều 55, Điều 56); Chương VI. Điều khoản thi hành (từ Điều 57 đến Điều 59).

1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Nghị định kế thừa và sửa đổi, hoàn thiện 57 điều còn phù hợp, đã được thực tiễn kiểm nghiệm của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP¹ và các văn bản hướng dẫn thi hành để khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập từ thực tiễn và tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ cho việc triển khai thi hành hiệu quả Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

1.1. Về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự và Thừa hành viên

Trên cơ sở quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự và Thừa hành viên (quy định từ Điều 26 đến Điều 31), ngoài việc điều chỉnh tên gọi văn phòng thi hành

¹ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP có tổng số 75 điều; lược bỏ 18 điều; sửa đổi, bổ sung, cơ cấu lại 57 điều

án dân sự thay cho tên Văn phòng Thừa phát lại; Thừa hành viên thay cho Thừa phát lại, Nghị định đã sửa đổi, hoàn thiện các quy định cụ thể có liên quan đến Thừa hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, cụ thể như sau:

a) Các quy định về Thừa hành viên

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Thừa hành viên được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15, đặc biệt là quy định về thẩm quyền của Thừa hành viên được thực hiện các trình tự, thủ tục thi hành án như Chấp hành viên, trừ một số quy định không được áp dụng (khoản 4 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15); thực hiện khoản 5 Điều 29 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 giao Chính phủ quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Thừa hành viên, Nghị định đã sửa đổi, hoàn thiện các quy định liên quan đến tiêu chuẩn bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Thừa hành viên; tập sự, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, những trường hợp không được bổ nhiệm Thừa hành viên; đăng ký hành nghề, cấp, cấp lại Thẻ Thừa hành viên và tạm đình chỉ hành nghề Thừa hành viên nhằm bảo đảm phù hợp với nội dung hành nghề của Thừa hành viên, trong đó có hoạt động tổ chức thi hành án dân sự.

Điểm mới cơ bản của Nghị định so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đó là: (i) quy định bổ sung trường hợp bổ nhiệm không qua kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên đối với người đã từng là Chấp hành viên khi đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định (khoản 2 Điều 4); (ii) bổ sung quy định về thời hạn có hiệu lực của giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa hành viên² (khoản 1 Điều 7); (iii) quy định về độ tuổi đương nhiên miễn nhiệm Thừa hành viên khi quá 70 tuổi (khoản 2 Điều 11).

b) Các quy định về văn phòng thi hành án dân sự

Thực hiện khoản 5 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Nghị định quy định về phạm vi hoạt động, cơ cấu tổ chức; nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng thi hành án dân sự; tạm ngừng, chấm dứt hoạt động văn phòng thi hành án dân sự và chế độ thông tin, báo cáo, thống kê của văn phòng thi hành án dân sự.

Điểm mới cơ bản của Nghị định so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đó là:

(i) Không quy định thành lập, đăng ký hoạt động, trách nhiệm thông báo nội dung đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thay đổi thành viên hợp danh, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, chuyển nhượng và thu hồi quyết

² Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận mà người đạt yêu cầu kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa hành viên không đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên thì giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại hết hiệu lực

định cho phép thành lập văn phòng thừa phát lại, phù hợp với phương án cắt giảm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo yêu cầu của Chính phủ. Theo đó, văn phòng THADS thực hiện trình tự, thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thay đổi thành viên hợp danh, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, chuyển nhượng theo quy định của pháp luật doanh nghiệp; Sở Tư pháp không giải quyết các thủ tục nêu trên của văn phòng THADS.

(ii) Bổ sung quy định về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của Thừa hành viên để thi hành khoản 4 Điều 27 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

(iii) Bổ sung quy định một số trường hợp văn phòng thi hành án dân sự bị tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, chuyển từ phương thức "tiền kiểm" sang "hậu kiểm".

1.2. Về thẩm quyền, phạm vi, thủ tục thực hiện công việc của Thừa hành viên

a) Về tổng đạt: Nghị định quy định về thẩm quyền, phạm vi tổng đạt của Thừa hành viên; thỏa thuận về tổng đạt; trình tự, thủ tục tổng đạt; thông báo kết quả tổng đạt.

Điểm mới cơ bản của Nghị định so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đó là: mở rộng thẩm quyền tổng đạt của văn phòng thi hành án dân sự đối với hồ sơ, giấy tờ, tài liệu của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố khác³ trong trường hợp địa chỉ của người được tổng đạt thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đặt trụ sở (khoản 1 Điều 22).

b) Về lập vi bằng: Nghị định quy định về thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng, giá trị pháp lý của vi bằng; các trường hợp không được lập vi bằng; yêu cầu lập vi bằng; nội dung, hình thức, thủ tục lập vi bằng; sửa lỗi kỹ thuật vi bằng; cấp bản sao vi bằng.

Điểm mới cơ bản của Nghị định so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đó là: **(i)** quy định bổ sung hình thức thỏa thuận về việc lập vi bằng thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử (khoản 2 Điều 29); **(ii)** quy định bổ sung hình thức vi bằng điện tử trên môi trường số, việc điểm chỉ vào vi bằng, vi bằng được lập phải kèm theo hình ảnh của Thừa hành viên khi chứng kiến sự kiện, hành vi, vi bằng được lập được gửi đến Sở Tư pháp để theo dõi thay vì để đăng ký như theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP (Điều 30); **(iii)** quy định bổ sung về thẩm quyền sửa lỗi kỹ thuật vi bằng khi Thừa hành viên đã lập vi bằng không còn hành nghề tại văn phòng thi hành án dân sự đó, việc sửa lỗi thể hiện qua văn bản

³ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP tại Điều 33 quy định văn phòng thừa phát lại chỉ có thẩm quyền tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đặt trụ sở khi có yêu cầu

sửa lỗi thay vì sửa trực tiếp tại vi bằng như quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP (khoản 1, 2 Điều 31).

c) Xác minh điều kiện thi hành án: Nghị định quy định về thẩm quyền, phạm vi xác minh điều kiện thi hành án; thỏa thuận về xác minh điều kiện thi hành án; ra quyết định xác minh và trình tự, thủ tục xác minh điều kiện thi hành án; bảo mật thông tin xác minh điều kiện thi hành án; ủy quyền xác minh điều kiện thi hành án; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án.

d) Thi hành bản án, quyết định theo yêu cầu của đương sự: Nghị định quy định giải quyết tranh chấp về thẩm quyền tổ chức thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; thỏa thuận về tổ chức thi hành án; ra quyết định thi hành án, trình tự, thủ tục thi hành án trong trường hợp người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc đương sự thỏa thuận thi hành án mà phải dịch chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; việc đề nghị áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; chuyển hồ sơ thi hành án giữa cơ quan thi hành án dân sự và văn phòng thi hành án dân sự; trách nhiệm phối hợp giữa văn phòng thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự trong tổ chức thi hành án; chấm dứt tổ chức thi hành án.

Điểm mới cơ bản của Nghị định so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP: (i) bổ sung quy định giải quyết tranh chấp về thẩm quyền tổ chức thi hành án (Điều 40); (ii) bổ sung quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thi hành án trong trường hợp người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc đương sự thỏa thuận thi hành án mà phải dịch chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; (iii) bổ sung quy định cụ thể về trình tự, thủ tục trong trường hợp Thừa hành viên đề nghị cơ quan thi hành án dân sự áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án (Điều 43), chuyển hồ sơ thi hành án giữa cơ quan thi hành án dân sự và văn phòng thi hành án dân sự (Điều 44), trách nhiệm phối hợp giữa văn phòng thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự trong tổ chức thi hành án (Điều 45) và một số quy định khác để bảo đảm quy định chi tiết và thi hành Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

đ) Về chi phí thực hiện công việc của Thừa hành viên: Nghị định quy định chung về chi phí thực hiện công việc của Thừa hành viên; chi phí tổng đạt; chi phí lập vi bằng, chi phí xác minh điều kiện thi hành án, chi phí tổ chức thi hành án.

Điểm mới cơ bản của Nghị định so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đó là: nâng mức chi phí tổng đạt tối thiểu từ 65.000 đồng/việc lên 120.000 đồng/lần tổng đạt hợp lệ và nâng mức chi phí tổng đạt tối đa từ 130.000 đồng/việc lên 240.000 đồng/lần tổng đạt hợp lệ (khoản 2 Điều 53).

1.3. Quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên

Hiện nay Điều 10 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 quy định quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, trong đó có quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức và

hoạt động Thừa hành viên, đồng thời Luật quy định các cơ quan này còn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Chính phủ (điểm đ khoản 2; khoản 3; điểm đ khoản 4; điểm e khoản 5 Điều 10). Vì vậy, Nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp và các Bộ có liên quan; của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý tổ chức và hoạt động Thừa hành viên.

Về cơ bản nội dung quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động Thừa hành viên kế thừa các quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và phù hợp với quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

1.4. Quy định về điều khoản chuyển tiếp (Điều 58)

Thực hiện khoản 5 Điều 116 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 quy định về đổi tên văn phòng Thừa phát lại, đổi thẻ thừa phát lại được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Nghị định đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục đổi tên văn phòng thừa phát lại, đổi thẻ thừa phát lại tại khoản 1 Điều 58 của Nghị định.

Ngoài ra, từ khoản 2 đến khoản 7 Điều 58 Nghị định cũng quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp người đang tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghề thừa phát lại; người đã có chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại, giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại hoặc đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề Thừa phát lại; người được cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; việc miễn nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Thừa phát lại đã được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Nghị định 08/2020/NĐ-CP; các hồ sơ, thủ tục hành chính đang được giải quyết theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; việc đương nhiên miễn nhiệm của Thừa phát lại từ đủ 69 tuổi trở lên tại thời điểm Nghị định hiệu lực thi hành.

2. Nội dung bổ sung

Nghị định quy định bổ sung 02 nội dung, gồm:

- Quy định về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của Thừa hành viên (Điều 18) để thi hành khoản 4 Điều 27 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 quy định trách nhiệm của văn phòng thi hành án dân sự trong việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho Thừa hành viên theo quy định của Chính phủ.

- Quy định về Cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên: Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 quy định Cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên là một bộ phận cấu thành của Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự. Luật không giao Chính phủ quy định chi tiết về Cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên, tuy nhiên, để bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động thừa hành viên, Nghị định từ Điều 47 đến Điều 49 quy định những vấn đề sau: cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên; cập nhật,

khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên; kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên.

3. Nội dung lược bỏ

Nghị định lược bỏ **19** điều so với Nghị định số 08/2020/NĐ-CP (Điều 3, 4, 15, 16, từ Điều 19 đến Điều 26, 31, 34, 46, 48, 52, 60, 63), trong đó nội dung của các điều lược bỏ gồm:

(i) Quy định về công việc thừa phát lại được làm và những việc thừa phát lại không được làm (Điều 3, Điều 4) do đã được quy định tại khoản 3 Điều 16 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

(ii) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng văn phòng thừa phát lại (Điều 19) do đã được quy định tại Điều 28 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

(iii) Quy định về thành lập, về trụ sở, tên gọi, con dấu và chế độ tài chính của văn phòng, đăng ký hoạt động, trách nhiệm thông báo nội dung đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thay đổi thành viên hợp danh, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, chuyển nhượng và thu hồi quyết định cho phép thành lập văn phòng thừa phát lại;

(iv) Quy định về tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và chi phí tổng đạt (Điều 34, Điều 63) do Luật Tương trợ tư pháp năm 2025 quy định việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài trong tương trợ tư pháp về dân sự tại Việt Nam do dịch vụ bưu chính công ích thực hiện (khoản 3 Điều 26);

(v) Quy định về từ chối cung cấp thông tin (Điều 46) do nội dung này sẽ được quy định trong Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

(vi) Quy định về sử dụng kết quả xác minh điều kiện thi hành án (Điều 48) do nội dung này đã được quy định tại khoản 8 Điều 37 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; quy định về nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức thi hành án của Thừa phát lại (Điều 52) do đã được quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

(vii) Quy định về trách nhiệm của các cơ quan trong việc thi hành án (Điều 60) do nội dung này đã được quy định tại Điều 14 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

(viii) Quy định về xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, kiểm sát hoạt động của Thừa phát lại, trách nhiệm thi hành.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH 150/2026/NĐ-CP

Nghị định có 33 Điều, được bố cục thành 05 Chương; gồm: Chương I. Quy định chung (Điều 1 và Điều 2); Chương II. Cơ quan THADS, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan THADS, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án (từ Điều 3 đến Điều 17); Chương III. Thẻ, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của Chấp hành viên, Thẩm tra viên, người làm công tác THADS (từ Điều 18 đến Điều 27); Chương IV. Biện pháp bảo vệ cơ quan, người thi hành công vụ trong hoạt động THADS (từ Điều 28 đến Điều 30) và Chương V. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành (từ Điều 31 đến Điều 33).

1. Về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

Nghị định quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trong công tác cán bộ và điều kiện để bảo đảm hoạt động của hệ thống THADS như: công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm chức vụ, chức danh; công tác bảo vệ an ninh, an toàn và bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở, kho quản lý tài sản...

2. Về điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan THADS

Nghị định quy định điều kiện, tiêu chuẩn để bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan THADS tỉnh, thành phố. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan THADS thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức hiện hành.

3. Về thời gian công tác pháp luật

Nghị định quy định cách xác định thời gian công tác pháp luật để làm căn cứ xác định tiêu chuẩn về thời gian công tác pháp luật để bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan THADS, chấp hành viên, Thẩm tra viên.... Đây là điểm mới của Nghị định nhằm bảo đảm cách hiểu và áp dụng thống nhất, minh bạch trong xác định tiêu chuẩn về thời gian công tác pháp luật, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho công tác thi tuyển, bổ nhiệm Chấp hành viên.

4. Về thi tuyển và bổ nhiệm Chấp hành viên

Nghị định quy định trình tự tổ chức thi tuyển và bổ nhiệm Chấp hành viên; quy định việc bổ nhiệm Chấp hành viên theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 24 của Luật THADS.

- Thứ nhất: Bộ Tư pháp tổ chức thi tuyển chấp hành viên. Người đủ điều kiện thi tuyển chấp hành viên phải tham gia 02 bài thi, gồm: Bài thi pháp luật về thi hành án dân sự và Bài thi kỹ năng thi hành án dân sự. Hình thức thi: Viết hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính

- Thứ hai: quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý và cơ quan THADS trong việc kiểm tra, trình hồ sơ đề nghị thi tuyển, đề nghị bổ nhiệm chấp hành viên.

Nghị định quy định chặt chẽ hơn điều kiện tham gia thi tuyển Chấp hành viên, theo đó người dự thi phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất, chưa từng bị cách chức Chấp hành viên và không thuộc trường hợp đang bị xem xét xử lý kỷ luật nhằm tiếp tục thể chế hóa yêu cầu về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tư pháp theo Quy định số 132-QĐ/TW.

5. Về miễn nhiệm, cách chức chấp hành viên và bố trí chấp hành viên sau miễn nhiệm, cách chức chấp hành viên

Nghị định quy định trình tự, thủ tục miễn nhiệm, cách chức chấp hành viên khi có căn cứ theo quy định tại Điều 24 Luật THADS.

- Thứ nhất: Việc cách chức Chấp hành viên được thực hiện theo quy trình, thủ tục kỷ luật công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Thứ hai: Trách nhiệm của cơ quan quản lý THADS và cơ quan THADS trong việc thực hiện quy trình, thủ tục miễn nhiệm, cách chức chấp hành viên; báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

- Thứ ba: Chấp hành viên được bố trí vị trí việc làm phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo sau khi được miễn nhiệm, cách chức.

Đây là điểm mới của Nghị định nhằm bảo đảm việc quản lý, sử dụng công chức được thực hiện thống nhất, đúng quy định; phát huy hiệu quả nguồn nhân lực, bảo đảm tính liên tục, thông suốt trong hoạt động của cơ quan THADS, đồng thời góp phần ổn định tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả công tác THADS.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án

Nghị định quy định vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án theo hướng bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với yêu cầu hiện nay. Đồng thời bổ sung rõ trách nhiệm và các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thẩm tra, kiểm tra, nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm soát quyền lực trong hoạt động này.

7. Về công cụ hỗ trợ cho công tác THADS

Nghị định kế thừa quy định tại Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ đồng thời bổ sung công cụ “áo giáp” vào danh mục trang bị. Việc bổ sung này xuất phát từ thực tiễn hoạt động THADS, đặc biệt trong các vụ việc cưỡng chế, kê biên, xử lý tài sản có tính chất phức tạp, thường phát sinh hành vi chống đối, đe dọa an toàn của người thi hành công vụ; do đó

cần thiết phải tăng cường các biện pháp bảo vệ mang tính phòng ngừa, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe cho lực lượng thi hành án.

8. Về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu THADS

Nghị định quy định đối tượng được cấp trang phục, phù hiệu, cấp hiệu THADS và số lượng, niên hạn cấp phát. Điểm mới của Nghị định là:

- Thứ nhất: về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Nghị định có điều chỉnh về kỹ thuật và nội dung so với quy định hiện hành, bao gồm: (i) điều chỉnh, chuẩn hóa tên gọi một số loại trang phục cho phù hợp thực tế sử dụng; (ii) điều chỉnh cấp hiệu trên cầu vai áo theo hướng phân biệt rõ giữa cấp hiệu chức vụ lãnh đạo, quản lý với cấp hiệu theo ngạch công chức, khắc phục tình trạng dễ gây nhầm lẫn trong nhận diện vị trí, chức trách; qua đó góp phần tăng cường tính minh bạch, kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống.

- Thứ hai, về niên hạn cấp phát trang phục, quy định hiện hành đã có phân biệt theo vùng miền, tuy nhiên còn mang tính cứng, chưa phản ánh đầy đủ điều kiện khí hậu và cường độ sử dụng thực tế. Nghị định tiếp tục kế thừa nguyên tắc này nhưng điều chỉnh theo hướng linh hoạt, phù hợp hơn với đặc thù từng vùng, ví dụ phân hóa số lượng trang phục xuân hè giữa khu vực phía Bắc và phía Nam, chỉ cấp áo chống rét đối với khu vực có nhu cầu sử dụng thực tế.

9. Về biện pháp bảo vệ cơ quan, người thi hành công vụ trong hoạt động THADS

Nghị định quy định chi tiết Điều 9 Luật THADS và thể chế hóa Quy định số 183-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Thứ nhất: Nghị định quy định đối tượng được bảo vệ, bao gồm cơ quan quản lý THADS, cơ quan THADS, người thi hành công vụ.

- Thứ hai: Nghị định quy định các biện pháp bảo vệ đối với cơ quan và người thi hành công vụ, bao gồm cả biện pháp phòng ngừa, xử lý tình huống và bảo đảm an toàn thông tin.

Thứ ba: Nghị định quy định các trường hợp phòng ngừa rủi ro, loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm trong thi hành công vụ.

Đây là điểm mới của Nghị định nhằm thể chế hóa đầy đủ quy định của Luật và chủ trương của Đảng; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất để bảo vệ an ninh, an toàn cho cơ quan, người thi hành công vụ trong hoạt động THADS; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành án, đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.